

DỰ TOÁN THU - CHI CÁC DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2023 - 2024

Tổng số lớp học: 12 lớp
Tổng số học sinh: 371 học sinh.
Tổng số CB.GV.NV: 45 người. Trong đó: Ban giám hiệu: 3, Giáo viên: 24, Nhân viên: 18
- Viên chức: 29 người.
- Hợp đồng: 16 người.

(Đvt: Đồng)

STT	NỘI DUNG	Số người, số HS	Mức thu/tháng (đ/HS/tháng)	Mức chi/tháng	Tổng dự toán chi	Tỷ lệ chi (%)	GHI CHÚ
I	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa						
1.	Tiền tổ chức phục vụ quản lý bán trú						
A	Mức thu	371	230.000	85.330.000			
1.1	Khối: Nhà trẻ	44	230.000	10.120.000			
1.2	Khối : Mẫu giáo	327	230.000	75.210.000			
B	Tổng dự toán chi:				85.330.000		
1	Chi bộ phận trực tiếp	24			46.464.000	54	
1.1	- Chi giáo viên trực tiếp tham gia bán trú	24	1,0	1.936.000	46.464.000		
1.2							
2	Chi bộ phận gián tiếp	17			32.931.360	39	
2.1	- Ban giám hiệu	3	1,33	1.936.000	7.724.640		
2.2	- Nhân viên	14	0,93	1.936.000	25.206.720		
3	Chi nghiệp vụ chuyên môn			2.560.000	2.560.000	3	
3.1	Chi bổ sung cho chuyên môn			2.560.000	2.560.000		
3.2							
4	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động			3.374.640	3.374.640	4	
4.1	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động			3.374.640	3.374.640		
4.2							
2.	Tiền tổ chức phục vụ ăn sáng.						
A	Mức thu	330	115.000	37.950.000			
1.1	Khối: Nhà trẻ	36	115.000	4.140.000			
1.2	Khối : Mẫu giáo	294	115.000	33.810.000			

STT	NỘI DUNG	Số người, số HS	Mức thu/tháng (đ/HS/tháng)	Mức chi/tháng	Tổng dự toán chi	Tỷ lệ chi (%)	GHI CHÚ
<u>B</u>	<u>Tổng dự toán chi:</u>				37.950.040		
1	Chi bộ phận trực tiếp	29			23.867.000	63	
1.1	- Giáo viên trực tiếp tham gia phục vụ ăn sáng	24	1	823.000	19.752.000		
1.2	- Nhân viên cấp dưỡng	5	1	823.000	4.115.000		
2	Chi bộ phận gián tiếp	12			10.271.040	27	
2.1	- Ban giám hiệu	3	1,33	823.000	3.283.770		
2.2	- Kế toán , thủ quỹ + văn thư, y tế	3	1,03	823.000	2.543.070		
2.3	- Bảo vệ, nhân viên phục vụ	6	0,9	823.000	4.444.200		
3	Chi nghiệp vụ chuyên môn				1.906.000	5	
3.1	- Chi bổ sung cho các hoạt động chuyên môn			1.906.000	1.906.000		
3.2	-						
4	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động				1.906.000	5	
4.1	- Chi bổ sung cơ sở vật chất và hoạt động phục vụ ăn sáng			1.906.000	1.906.000		
4.2							
3.	Tiền trả công cho NQ 04/017/NQ-HĐND						
<u>A</u>	<u>Mức thu</u>	371		28.610.000			
1.1	Khối nhà trẻ	44	130.000	5.720.000			
1.2	Khối mẫu giáo	327	70.000	22.890.000			
<u>B</u>	<u>Tổng dự toán chi:</u>				28.610.000		
1	Chi bộ phận trực tiếp			7.152.500	28.610.000	100%	
1.1	- Chi lương cho nhân viên nuôi dưỡng	4		2.340.000	9.360.000		4,68tr * 50% NS hỗ trợ
1.2	- Chi 23,5% các khoản đóng góp theo lương	4		1.099.800	4.399.200		
1.3	- Chi các khoản hỗ trợ thêm lương	4		3.712.700	14.850.800		
4.	Tiền thu thiết bị vật dụng bán trú						
<u>A</u>	<u>Mức thu</u>	371	172.000	63.812.000			
1.1	Khối nhà trẻ	44	172.000	7.568.000			
1.2	Khối mẫu giáo	327	172.000	56.244.000			
<u>B</u>	<u>Tổng dự toán chi:</u>						
1	Chi cho hoạt động bán trú			63.812.000	63.812.000		
1.1	- Chi mua sắm bổ sung trang bị vật dụng phục vụ công tác bán trú			63.812.000	63.812.000	100%	
5.	Tiền thu tiền vệ sinh bán trú						
<u>A</u>	<u>Mức thu</u>	371	28.000	10.388.000			

STT	NỘI DUNG	Số người, số HS	Mức thu/tháng (đ/HS/tháng)	Mức chi/tháng	Tổng dự toán chi	Tỷ lệ chi (%)	GHI CHÚ
1.1	Khối nhà trẻ	44	28.000	1.232.000			
1.2	Khối mẫu giáo	327	28.000	9.156.000			
<u>B</u>	<u>Tổng dự toán chi:</u>			10.388.000	10.388.000		
1	- Chi mua sắm đồ dùng vệ sinh bán trú, xịt muỗi, thông cống, thu gom rác...			10.388.000	10.388.000	100%	
6.	Tiền học phẩm, học liệu - học cụ						
<u>A</u>	<u>Mức thu</u>	371	280.000	103.880.000			
1.1	Khối nhà trẻ	44	280.000	12.320.000			
1.2	Khối mẫu giáo	327	280.000	91.560.000			
<u>B</u>	<u>Tổng dự toán chi:</u>			103.880.000	103.880.000		
1	- Chi trả tiền mua học cụ, học liệu, học phẩm			103.880.000	103.880.000	100%	
7.	Tiền suất ăn sáng cho học sinh						
<u>A</u>	<u>Mức thu</u>	330	17.000	5.610.000			
1.1	Khối nhà trẻ	36	17.000	612.000			
1.2	Khối mẫu giáo	294	17.000	4.998.000			
<u>B</u>	<u>Tổng dự toán chi:</u>			5.610.000	5.610.000		
1	- Chi trả tiền mua sữa, thực phẩm nấu ăn sáng cho học sinh			5.610.000	5.610.000	100%	
8.	Tiền suất ăn trưa cho học sinh						
<u>A</u>	<u>Mức thu</u>	371	35.000	12.985.000			
1.1	Khối nhà trẻ	44	35.000	1.540.000			
1.2	Khối mẫu giáo	327	35.000	11.445.000			
<u>B</u>	<u>Tổng dự toán chi:</u>			12.985.000	12.985.000		
1	- Chi trả tiền mua thực phẩm nấu ăn bán trú cho học sinh			12.985.000	12.985.000	100%	
9.	Tiền nước uống						
<u>A</u>	<u>Mức thu</u>	371	13.800	5.119.800			
1.1	Khối nhà trẻ	44	13.800	607.200			
1.2	Khối mẫu giáo	327	13.800	4.512.600			
<u>B</u>	<u>Tổng dự toán chi:</u>			5.119.800	5.119.800		
1	- Chi trả tiền mua nước uống cho học sinh			5.119.800	5.119.800	100%	
10.	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu tự chọn (Nhịp điệu, Mỹ thuật,)						
<u>A</u>	<u>Mức thu</u>	620	57.000	35.340.000			
1.1	Khối: Nhà trẻ : Không thu	0	0	0			
1.2	Khối : Mẫu giáo	620	57.000	35.340.000	35.340.000		
<u>B</u>	<u>Tổng dự toán chi:</u>			35.340.000	35.340.000		

STT	NỘI DUNG	Số người, số HS	Mức thu/tháng (đ/HS/tháng)	Mức chi/tháng	Tổng dự toán chi	Tỷ lệ chi (%)	GHI CHÚ
1.1	Chi cho công ty trực tiếp giảng dạy (85% theo hợp đồng)			30.039.000	30.039.000	85%	
1.2	Chi nộp thuế TNDN, GTGT, chi cho con người, hỗ trợ CSVC và hoạt động (15% theo hợp đồng)			5.301.000	5.301.000	15%	
	- Chi nộp thuế TNDN, GTGT			530.100	530.100	2%	
	- Chi cho giáo viên trực tiếp tham gia hỗ trợ học sinh học năng khiếu	24	1	146.234	3.509.628	10%	
	- Chi cho BGH	3	1	146.234	438.703	1%	
	- Chi cho nhân viên bộ phận gián tiếp gồm KT, VT+TQ	2	1	146.234	292.469	1%	
	- Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và bổ sung cho hoạt động chuyên môn			530.100	530.100	2%	
11.	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài						
<u>A</u>	<u>Mức thu</u>	310	120.000	37.200.000			
	Khôi: Nhà trẻ : Không thu	0	0	0			
	Khôi : Mẫu giáo	310	120.000	37.200.000	37.200.000		
<u>B</u>	<u>Tổng dự toán chi:</u>			37.200.000	37.200.000		
1.1	Chi cho công ty trực tiếp giảng dạy (90% theo hợp đồng)			33.480.000	33.480.000	90%	
1.2	Chi nộp thuế TNDN, GTGT, chi cho con người, hỗ trợ CSVC và hoạt động (10% theo hợp đồng)			3.720.000	3.720.000	10%	
	- Chi nộp thuế TNDN, GTGT			372.000	372.000	1,0%	
	- Chi cho giáo viên trực tiếp tham gia hỗ trợ học sinh học năng khiếu	24	1	102.621	2.462.897	6,6%	
	- Chi cho BGH	3	1	102.621	307.862	0,8%	
	- Chi cho nhân viên bộ phận gián tiếp gồm KT, VT+TQ	2	1	102.621	205.241	0,6%	
	- Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và bổ sung cho hoạt động chuyên môn			372.000	372.000	1,0%	

Kế toán

Nguyễn Thị Phương Trang

Ngày 28 tháng 8 năm 2023

Hiệu trưởng

Nguyễn Thị Kim Oanh